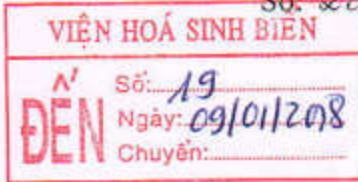


Số: 2844/QĐ-VHL

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2017



**QUYẾT ĐỊNH**  
Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2018

**CHỦ TỊCH**  
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 60/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1916/QĐ-TTg ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-BTC ngày 29/11/2017 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Công văn số 4129/BKHCN-KHTC ngày 07/12/2017 của hướng dẫn nội dung kế hoạch KH&CN năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch năm 2018, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN;
- Phó Chủ tịch N.Đ.Công;
- Lưu: VT, KHTC, PTH. 95.



**Nguyễn Đình Công**

## CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 2844/QĐ-VHL ngày 29/12/2017  
của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)



Đơn vị: VIỆN HOÁ SINH BIỂN

Đơn vị: triệu đồng

<b>A. NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ:</b>	<b>19.100,0</b>
<b>A.I. Nhiệm vụ cấp Quốc gia:</b>	
<b>A.II. Đề tài KHCN theo 7 hướng ưu tiên cấp Viện Hàn lâm KHCNVN:</b>	<b>900,0</b>
<i>Hướng Đa dạng sinh học và Các chất có hoạt tính sinh học: (3 đề tài)</i>	<i>900,0</i>
1. VAST04.03/17-18. Nghiên cứu phân lập nhóm hoạt chất alkaloid từ cây bá bệnh -Eurycoma longifolia và đánh giá tác dụng kháng viêm trên in vitro và in vivo. Tổng kinh phí: 600 triệu đồng, đã cấp: 300 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Hải Đăng.	300,0
2. VAST04.07/17-18. Sàng lọc các chất có hoạt tính sinh học từ vi nấm biển phân lập từ mẫu trầm tích thu thập ở vùng biển Cô Tô - Thanh Lân. Tổng kinh phí: 600 triệu đồng, đã cấp: 300 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Lê Thị Hồng Minh.	300,0
3. VAST.04.04/18-19. Nghiên cứu thành phần hoá học và hoạt tính chống ung thư của 2 loài Amesiodendron chinense (Sapindaceae) và Baccaurea sylvestris (Phyllanthaceae). Tổng kinh phí: 600 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Trịnh Thị Thanh Vân.	300,0
<b>A.III. Đề tài độc lập cấp Viện Hàn lâm KHCNVN:</b>	
<b>A.IV. Đề tài độc lập trẻ cấp Viện Hàn lâm KHCNVN: (1 đề tài)</b>	<b>250,0</b>
1. VAST.ĐLT.07/17-18. Nghiên cứu phân lập steroidal saponin từ cây lu đực (Solanum nigrum Linn) và đánh giá tác dụng kháng tế bào ung thư. Tổng kinh phí: 500 triệu đồng, đã cấp: 250 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Bùi Hữu Tài.	250,0
<b>A.V. Nhiệm vụ Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN giao:</b>	
<b>A.VI. Đề tài đặt hàng các Hội đồng khoa học ngành:</b>	
<b>A.VII. Nhiệm vụ, dự án KHCN trọng điểm cấp Viện Hàn lâm: (8)</b>	<b>17.050,0</b>

lly

- |   |         |
|---|---------|
| 1. VAST.TĐ.DLB.01/16-18. Nghiên cứu khai thác dược liệu hải miên ở vùng biển Trung bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến biển Trung Trung Bộ Việt Nam) theo định hướng hoạt tính diệt tế bào ung thư nhằm tạo ra sản phẩm có tác dụng hỗ trợ điều trị bệnh ung thư.<br>Tổng kinh phí: 7.250 triệu đồng, đã cấp: 5.000 triệu đồng.<br>Chủ nhiệm: PGS. TS. Phan Văn Kiệm.  | 2.250,0 |
| 2. VAST.TĐ.DLB.02/16-18. Nghiên cứu phân lập các hợp chất từ nguồn san hô mềm ở vùng biển Trung bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến biển Trung Trung Bộ Việt Nam) nhằm tìm kiếm các hoạt chất có khả năng diệt tế bào ung thư thử nghiệm và hoạt tính kháng vi sinh vật kiểm định.<br>Tổng kinh phí: 7.250 triệu đồng, đã cấp: 5.200 triệu đồng.<br>Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Hoài Nam.  | 2.050,0 |
| 3. VAST.TĐ.DLB.03/16-18. Nghiên cứu phân lập các hợp chất từ một số động vật Da gai ở vùng biển Trung Bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến biển Trung Trung Bộ Việt Nam) nhằm tìm kiếm các hoạt chất có khả năng diệt tế bào ung thư thử nghiệm và kháng viêm nhằm tạo ra sản phẩm có tác dụng hỗ trợ tăng cường sức khỏe.<br>Tổng kinh phí: 7.600 triệu đồng, đã cấp: 5.450 triệu đồng.<br>Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Xuân Cường. | 2.150,0 |
| 4. VAST.TĐ.DLB.04/16-18. Nghiên cứu phát hiện các hợp chất kháng lao và kháng sinh từ nguồn vi sinh vật đáy biển vùng biển Trung Bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến Trung Trung Bộ Việt Nam).<br>Tổng kinh phí: 5.800 triệu đồng, đã cấp: 4.200 triệu đồng.<br>Chủ nhiệm: PGS. TS. Phạm Văn Cường.  | 1.600,0 |
| 5. VAST.TĐ.DLB.06/16-18. Nghiên cứu các hợp chất thứ cấp có hoạt tính sinh học từ một số động vật thân mềm ở vùng biển Trung Bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến biển Trung Trung Bộ Việt Nam).<br>Tổng kinh phí: 5.800 triệu đồng, đã cấp: 4.800 triệu đồng.<br>Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Văn Thanh.  | 1.000,0 |
| 6. VAST.TĐ.DLB.07/16-18. Nghiên cứu các hợp chất thứ cấp có hoạt tính sinh học từ vi tảo biển ở vùng biển Trung Bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến biển Trung Trung Bộ Việt Nam).<br>Tổng kinh phí: 3.800 triệu đồng, đã cấp: 2.800 triệu đồng.<br>Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Thị Minh Hằng.   | 1.000,0 |
| 7. VAST.TĐ.TP.05/16-18. Nghiên cứu áp dụng phương pháp fingerprint trong xác định thành phần thực phẩm chức năng.<br>Tổng kinh phí: 10.000 triệu đồng, đã cấp: 6.000 triệu đồng.<br>Chủ nhiệm: TS. Trần Thị Hồng Hạnh.  | 4.000,0 |
| 8. TĐPCCC.04/18-20. Nghiên cứu tạo lớp phủ cho khăn bảo hộ phục vụ phòng - chống cháy từ nguồn sinh vật biển và thực vật ngập mặn ở Việt Nam.<br>Tổng kinh phí: 8.100 triệu đồng.<br>Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Phương Thảo.   | 3.000,0 |

**A.VIII. Đề tài hợp tác với NDP, UDCN, PTCN:**

**A.IX. Dự án SXTN, phát triển sản phẩm thương mại:**

<b>A.X. Nhiệm vụ HTQT cấp Viện Hàn lâm KHCNVN: (4 nhiệm vụ)</b>	<b>400,0</b>
1. VAST.HTQT.HANQUOC.03/17-18. Nghiên cứu phân lập các hợp chất kháng viêm và bảo vệ tế bào từ các chủng vi nấm từ sinh vật biển ở vùng biển miền Trung – Việt Nam. Tổng kinh phí: 200 triệu đồng, đã cấp: 100 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Trần Hồng Quang.	100,0
2. VAST.HTQT.BULGARIA.02/17-18. Tìm kiếm các hợp chất có hoạt tính sinh học từ keo ong Việt Nam. Tổng kinh phí: 200 triệu đồng, đã cấp: 100 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Lê Nguyễn Thành.	100,0
3. QTRU01.04/18-19. Nghiên cứu tìm kiếm các chất có hoạt tính sinh học từ các đối tượng sinh vật biển còn ít được nghiên cứu ở vùng biển Việt Nam. Tổng kinh phí: 200 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Xuân Cường.	100,0
4. QTBY01.05/18-19. Nghiên cứu tạo sinh khối tế bào và đánh giá sinh tổng hợp các hợp chất alkaloid indole terpenoid và phenolic có tiềm năng làm thuốc từ một số thứ của loài <i>Catharanthus roseus</i> ở hệ thực vật Việt Nam trong điều kiện in vivo và in vitro. Tổng kinh phí: 200 triệu đồng. Chủ nhiệm: PGS. TS. Ninh Khắc Bản.	100,0
<b>A.XI. ĐT thuộc DA sưu tập mẫu vật QG về TNVN (SNKH):</b>	
<b>A.XII. Nhiệm vụ thuộc Chương trình phối hợp với Bộ KHCN:</b>	
<b>A.XIII. Nhiệm vụ thuộc Chương trình Vật lý cấp Bộ:</b>	
<b>A.XIV. Nhiệm vụ thuộc Chương trình IIASA:</b>	
<b>A.XV. Nhiệm vụ thuộc CT phát triển KHCB theo QĐ số 562/QĐ-TTg: (1)</b>	<b>500,0</b>
1. KHCBHH.02/18-20. Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số dược liệu đang được lưu hành và sử dụng phổ biến trên thị trường Hà Nội giai đoạn I. Tổng kinh phí: 1.500 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Trần Thị Hồng Hạnh.	500,0
<b>B. HOẠT ĐỘNG KHCN KHÁC:</b>	<b>300,0</b>
<b>B.I. Nhiệm vụ phối hợp với Bộ KHCN:</b>	
<b>B.II. Mua tạp chí và sách báo KHCN:</b>	
<b>B.III. Nhiệm vụ thuộc Chương trình sau tiến sỹ:</b>	
<b>B.IV. Các hoạt động KHCN khác:</b>	<b>300,0</b>
* Hoạt động của Trung tâm tiên tiến về hoá sinh hữu cơ	300,0
<b>C. NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN:</b>	<b>5.676,5</b>
<b>C.I. Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng:</b>	<b>5.324,5</b>
<i>(Tổng KP thực hiện: 5.324,5 triệu đồng, trong đó: NSNN cấp: 5.324,5 triệu đồng, nguồn khác từ chênh lệch thu chi hoạt động SXKD của đơn vị: 0))</i>	
<b>1. Quỹ lương:</b>	<b>3.652,7</b>



*Chữ*

* Lương và các khoản bảo hiểm, kinh phí công đoàn, trợ cấp thất nghiệp (23,5%):	3.467,9
* Bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật:	184,8
<b>2. Chi hoạt động theo chức năng:</b>	<b>1.671,8</b>
<i>(gồm hoạt động bộ máy và kinh phí hoạt động KHCN cấp cơ sở)</i>	
<b>C.II. Chi thường xuyên khác:</b>	<b>352,0</b>
<b>1. Hỗ trợ nhiệm vụ cơ sở cho cán bộ trẻ:</b>	<b>140,0</b>
2 cán bộ trẻ trình độ tiến sỹ x 30 triệu đồng = 60 triệu đồng	
4 cán bộ trẻ trình độ thạc sỹ x 20 triệu đồng = 80 triệu đồng	
<b>2. Hỗ trợ công trình công bố:</b>	<b>212,0</b>
25 bài báo đạt chuẩn SCI x 3 triệu đồng = 75 triệu đồng	
29 bài báo đạt chuẩn SCI-E x 3 triệu đồng = 87 triệu đồng	
1 bài báo đạt chuẩn VAST1 x 3 triệu đồng = 3 triệu đồng	
3 bài báo đạt chuẩn ISSN x 0,5 triệu đồng = 1,5 triệu đồng	
39 bài báo đăng trên các tạp chí khác của VHL (VAST2) x 0,5 tr. đồng = 19,5 triệu đồng	
4 Phát minh sáng chế x 5 triệu đồng = 20 triệu đồng	
2 Giải pháp hữu ích x 3 triệu đồng = 6 triệu đồng	
<b>D. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG TIỀM LỰC KHCN:</b>	
<b>E. CÁC KHOẢN HỖ TRỢ:</b>	<b>390,0</b>
* Hỗ trợ kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học cho các NCVCC. (3 suất x 130 triệu đồng/suất)	390,0
<b>F. NHIỆM VỤ THUỘC SỰ NGHIỆP KHÁC:</b>	<b>1.500,0</b>
<b>F.I. Đào tạo sau đại học:</b>	
1. Chi thường xuyên	
2. Chi không thường xuyên	
<b>F.II. Đào tạo đại học:</b>	
1. Chi thường xuyên	
2. Chi không thường xuyên	
<b>F.III. Đào tạo lại cán bộ công chức:</b>	
<b>F.IV. Sự nghiệp văn hoá [Bảo tàng]:</b>	
<b>F.V. Sự nghiệp kinh tế [Nhiệm vụ điều tra cơ bản]: (1)</b>	<b>1.500,0</b>
1. Hợp phần nhánh số 4: Điều tra sàng lọc tìm kiếm các chất có hoạt tính chống ung thư và kháng sinh từ vi sinh vật biển Việt Nam thuộc Đề án 'VAST.ĐA47.12/16-19. Điều tra, đánh giá ký sinh trùng gây hại và vi sinh vật trên các vùng biển Việt Nam nhằm bảo vệ hệ sinh thái biển và sức khoẻ cộng đồng'.	1.500,0
Kinh phí: 3.500 triệu đồng, đã cấp: 900 triệu đồng.	
Chủ nhiệm: PGS. TS. Phạm Văn Cường.	

**TỔNG CỘNG:**

**26.966,5**

*Handwritten signature and initials*

**TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2018**  
**VIỆN HOÁ SINH BIỂN**  
 (Theo loại, khoản kinh phí)

Đơn vị: triệu đồng



Số TT	Loại, khoản	Nội dung nhiệm vụ	Kinh phí		
			Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
	Sự nghiệp khoa học (Loại 370-371)		<b>25.466,5</b>	<b>25.466,5</b>	
		<b>I. KP thực hiện nhiệm vụ KHCN</b>	<b>19.100,0</b>	<b>19.100,0</b>	
		A.I. Nhiệm vụ cấp Quốc gia			
		A.II. ĐT 7 hướng cấp Viện HL	900,0	900,0	
		A.III. ĐT độc lập cấp Viện HL			
		A.IV. ĐT độc lập trẻ Viện HL	250,0	250,0	
		A.V. Nhiệm vụ Chủ tịch Viện giao			
		A.VI. ĐT đạt hàng các HĐKH ngành			
		A.VII. NV, DA trọng điểm cấp Viện HL	17.050,0	17.050,0	
		A.VIII. ĐT h.tác NDP, WDCN, PTCN			
		A.IX. DA SXTN, Phát triển SPTM			
		A.X. Nhiệm vụ HTQT cấp Viện HL	400,0	400,0	
		A.XI. ĐT thuộc DA sưu tập mẫu vật			
		A.XII. CT phối hợp với Bộ KHCN			
		A.XIII. NV thuộc CT vật lý cấp Bộ			
		A.XIV. NV thuộc CT IIASA			
		A.XV. NV thuộc CT KHCB theo QĐ562	500,0	500,0	
		A.XVI. Các nhiệm vụ khác			
		<b>2. Kinh phí thường xuyên</b>	<b>5.676,5</b>	<b>5.676,5</b>	
		C.I. NV thường xuyên theo chức năng	5.324,5	5.324,5	
		C.II. Chi thường xuyên khác	352,0	352,0	
		<b>3. Kinh phí không thường xuyên</b>	<b>690,0</b>	<b>690,0</b>	
		B.I. NV phối hợp với Bộ KHCN			
		B.II. Mua Tạp chí và sách báo KHCN			
		B.III. NV thuộc CT sau tiến sỹ			
		B.IV. Các hoạt động KHCN khác	300,0	300,0	
		D.II. Sửa chữa-nâng cấp			
		D.III. Tăng cường trang thiết bị			
		E. Các khoản hỗ trợ	390,0	390,0	
II	Đ. tạo (L490-502, 503)	F.I. + F.II. Đào tạo + G.II. Vốn ng.nước			
III	ĐT lại CB (L490-504)	F.III. Đào tạo lại CBCC			
IV	SN VH (L550-556)	F.IV. Sự nghiệp văn hoá (Bảo tàng)			
V	SN KT (L430-432)	F.V. Sự nghiệp kinh tế (NV ĐTCB)	<b>1.500,0</b>	<b>1.500,0</b>	
VI	SN MT (L280-281)	F.VI. Sự nghiệp môi trường			
VII	XDCB	D.I. XD cơ bản + G.I. Vốn ngoài nước			
		<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>26.966,5</b>	<b>26.966,5</b>	

*Li cas*